

Số: 31 /QĐ-CNTĐ-QLĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Ban hành Quy định về Hoạt động Khoa học và Công nghệ
tại Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức năm học 2024-2025**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ THỦ ĐỨC

Căn cứ Quyết định số 6426/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 09 năm 2008 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức trên cơ sở trường Trung học Kỹ thuật và Nghiệp vụ Thủ Đức;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTTL-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 04 năm 2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 27/2015/TTTL-BKHCN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ Khoa học Công nghệ và Bộ Tài chính Quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính về Quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 08 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung chi, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục Đại học, giáo dục Nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BLĐTBXH ngày 19 tháng 02 năm 2024 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành Quy định quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 03 năm 2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2022/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng và chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1434/QĐ-CNTĐ-TCHC ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức về ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên;

Căn cứ quyết định số 11/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức về việc ban hành quy định về tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định Giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng tại Trường Cao đẳng công nghệ Thủ Đức;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH

- Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về hoạt động Khoa học và Công nghệ tại Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức năm học 2024 - 2025.
- Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 16/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 16 tháng 03 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức về việc ban hành Quy định về hoạt động Khoa học và Công nghệ tại Trường Cao đẳng công nghệ Thủ Đức năm học 2023 - 2024.
- Điều 3.** Trưởng các đơn vị thuộc Trường và toàn thể Cán bộ/ Giảng viên/ Nhân viên Trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: TCHC, QLĐT.



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Hữu Lộc

**QUY ĐỊNH
VỀ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ THỦ ĐỨC
NĂM HỌC 2024 - 2025**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 31/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 19/02/2025
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Mục đích

Hoạt động nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ và quyền lợi của giảng viên biên chế, giảng viên hợp đồng có thời hạn 12 tháng trở lên (sau đây viết tắt là Giảng viên) tại Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức nhằm mục đích:

- Góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ Giảng viên; Nâng cao chất lượng giảng dạy, đào tạo nhà trường.
- Giúp Giảng viên bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.
- Khơi dậy và thổi bùng trong thế hệ giảng viên trẻ sự đam mê tìm tòi, nghiên cứu thông qua hoạt động sáng tạo họ trở nên tâm huyết và gắn bó hơn với “sự nghiệp trồng người”.
- Tăng cường quan hệ hợp tác, liên kết quốc tế về nghiên cứu khoa học.
- Đạt tiêu chuẩn quan trọng trong kiểm định chất lượng đào tạo theo quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội để xếp loại trường.
- Nâng cao vị thế, uy tín thương hiệu của nhà trường với xã hội cũng như phù hợp với chiến lược phát triển của nhà trường.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Văn bản này quy định về hoạt động khoa học và công nghệ tại trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức, bao gồm: nghiên cứu khoa học; biên soạn giáo trình đào tạo, tài liệu giảng dạy; được áp dụng đối với Giảng viên tại Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức.
- Các hoạt động nghiên cứu khoa học được tính giờ định mức hoạt động nghiên cứu khoa học theo quy định này là do Giảng viên của trường thực hiện. Công trình nghiên cứu khoa học phải được ghi rõ tên tác giả là Giảng viên của Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức.
- Quy định này được áp dụng để bình xét danh hiệu thi đua và tính giờ làm việc cho Giảng viên trong năm học.

Điều 3. Quy định về nghiên cứu khoa học

- Mỗi năm, Giảng viên có nhiệm vụ nghiên cứu khoa học; hướng dẫn sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học; ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật hoặc sáng kiến, cải tiến kỹ thuật vào giảng dạy và thực tiễn sản xuất.

2. Nhiệm vụ nghiên cứu khoa học được giao tương ứng với chức danh hoặc vị trí công việc đang đảm nhiệm. Kết quả nghiên cứu khoa học của Giảng viên được đánh giá thông qua các sản phẩm nghiên cứu khoa học cụ thể, tối thiểu là một đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở hoặc tương đương được nghiệm thu từ đạt yêu cầu trở lên.

3. Việc giao và triển khai thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cho Giảng viên phải phù hợp với điều kiện, tiềm lực khoa học, định hướng phát triển hoạt động khoa học và công nghệ của trường và phù hợp với năng lực chuyên môn của Giảng viên. Hiệu trưởng giao cụ thể nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cho giảng viên của đơn vị.

4. Trường hợp Giảng viên sử dụng không hết thời gian để nghiên cứu khoa học theo quy định thì quy đổi thời gian còn lại chuyển sang làm công tác giảng dạy hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng giao. Số giờ quy đổi được tính thêm vào định mức giờ giảng trong năm học của Giảng viên.

5. Giảng viên đảm nhận công tác tại các đơn vị khối quản lý và phục vụ làm việc tại phòng, trung tâm, chỉ khuyến khích mà không bị ràng buộc nhiệm vụ nghiên cứu khoa học.

Điều 4: Nguồn kinh phí thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học

1. Nguồn kinh phí thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học gồm:

- a) Từ ngân sách nhà nước thông qua đầu thầu đề tài khoa học.
- b) Từ nguồn thu của trường.
- c) Hỗ trợ các cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu, các tổ chức kinh tế - xã hội.
- d) Từ nguồn thu khác.

2. Khuyến khích các cá nhân, tập thể thực hiện đề tài không sử dụng kinh phí trường.

Điều 5: Trách nhiệm của Giảng viên tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học

1. Giảng viên phải chấp hành các quy định của pháp luật hiện hành và quy định của nhà trường về hoạt động nghiên cứu khoa học.

2. Giảng viên làm chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học có trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ được giao và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện theo quy định hiện hành, chịu trách nhiệm cá nhân về mặt học thuật đối với các kết quả nghiên cứu, quyền tác giả và các quy định khác.

3. Giảng viên làm chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học phải có đủ thời gian để hoàn thành nội dung nghiên cứu của mình theo quy định. Trường hợp chủ nhiệm đề tài đi công tác, làm việc tại nước ngoài thì tổng thời gian ở nước ngoài không vượt quá $\frac{1}{2}$ thời gian thực hiện đề tài.

4. Giảng viên của nhà trường có quyền ký hợp đồng Khoa học và công nghệ với các tổ chức, cơ quan, cá nhân trong và ngoài trường theo quy định của Bộ Lao động và các quy định khác của pháp luật; tham gia các hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước theo quy định. Các Giảng viên có trách nhiệm báo cáo kết quả hoạt động Khoa học và công nghệ hàng năm cho đơn vị quản lý.

5. Nhà trường khuyến khích thành lập các nhóm nghiên cứu đa ngành và liên ngành, các nhóm có quyền mời các chuyên gia ngoài trường (trong nước và ngoài nước) cùng tham gia.

6. Giảng viên thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học có nghĩa vụ gửi bài báo khoa học trên tạp chí, hội thảo khoa học chuyên ngành.

7. Các hoạt động nghiên cứu khoa học được tính giờ định mức hoạt động nghiên cứu khoa học theo Điều 8 của qui định này.

Điều 6. Tổ chức đăng ký, sơ tuyển, nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến

1. Đối với giảng viên thuộc Khoa: Khoa tổ chức đăng ký, đề xuất Hội đồng, tổ chức sơ tuyển, đánh giá nghiệm thu các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến của giảng viên thuộc Khoa.
2. Đối với Cán bộ/ Nhân viên thuộc các Phòng, Trung tâm, nhân viên các Khoa: Phòng Tổ chức - Hành chính phối hợp phòng Quản lý đào tạo tổ chức đăng ký, đề xuất Hội đồng, tổ chức sơ tuyển, đánh giá nghiệm thu các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến.

Chương II ĐỊNH MỨC GIỜ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA GIẢNG VIÊN

Điều 7. Thời gian làm việc của giảng viên

1. Thời gian làm việc của giảng viên thực hiện theo chế độ mỗi tuần làm việc 40 giờ và được xác định theo năm học.
2. Tổng quỹ thời gian làm việc của giảng viên trong một năm học để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, học tập bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác trong nhà trường là 1760 giờ sau khi trừ số ngày nghỉ theo quy định.
3. Giảng viên phải dùng 320 giờ trong tổng quỹ thời gian làm việc trong mỗi năm học để nghiên cứu khoa học, tương đương 85 giờ chuẩn.

Điều 8. Định mức giờ chuẩn đối với các hoạt động khoa học

1. Đối với hoạt động chủ trì, tổ chức, chỉ đạo thực hiện các chương trình, đề án, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học

STT	Hoạt động Khoa học và Công nghệ	Định mức giờ chuẩn
1.1	Chủ nhiệm chương trình khoa học cấp Nhà nước	100
1.2	Phó chủ nhiệm chương trình khoa học cấp Nhà nước	85
1.3	Thư ký chương trình khoa học cấp Nhà nước	65
1.4	Chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học độc lập cấp Nhà nước	310
1.5	Chủ nhiệm đề tài thuộc chương trình cấp Nhà nước	310
1.6	Chủ nhiệm dự án sản xuất thử nghiệm cấp Nhà nước	310
1.7	Chủ nhiệm đề tài nhánh thuộc đề tài cấp Nhà nước	200
1.8	Tham gia các nhiệm vụ Khoa học công nghệ cấp Nhà nước khác	200
1.9	Thư ký chương trình nghiên cứu khoa học cấp Bộ	65
1.10	Chủ nhiệm đề tài trọng điểm cấp Bộ	135
1.11	Chủ nhiệm đề tài cấp Bộ/Ngành và tương đương	190
1.12	Chủ nhiệm đề tài thuộc chương trình cấp Bộ	190
1.13	Chủ nhiệm đề tài nghiên cứu theo dự án Hợp tác quốc tế, theo nghị định thư	190
1.14	Chủ nhiệm dự án Sản xuất thực nghiệm cấp Bộ	190
1.15	Tham gia các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ khác	200
1.16	Đề tài cấp cơ sở đã được nghiệm thu (n thành viên tham gia)	85
	- Chủ nhiệm đề tài	45
	- Thành viên tham gia	40/(n-1)

a/ Đề tài chỉ được tính khi đã hoàn thành và được Hội đồng khoa học nghiệm thu.

b/ Các trường hợp đặc biệt khác (không nằm trong danh mục này), Hiệu trưởng sẽ quy định cụ thể số giờ chuẩn phù hợp với yêu cầu và thực tế.

c/ Đề tài nghiên cứu khoa học hoàn thành phải có bài báo.

d/ Nếu không thực hiện theo đúng tiến độ và nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng thì chủ nhiệm đề tài sẽ phải hoàn lại kinh phí.

e/ Tác giả, nhóm tác giả cần cung cấp các minh chứng khi đề nghị quy đổi giờ nghiên cứu khoa học:

- Hợp đồng.
- Biên bản nghiệm thu (đề tài có kết quả đạt trở lên)
- Biên bản thanh lý hợp đồng (nếu có)
- Đối với các trường hợp đặc biệt khác (không nằm trong danh mục này): Tác giả/nhóm tác giả cần cung cấp thêm Quyết định của Hiệu trưởng đồng ý cho tác giả/nhóm tác giả tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học.

2. Đối với đề tài thuộc lĩnh vực chuyên giao công nghệ, tư vấn

STT	Công trình, sản phẩm	Định mức giờ chuẩn
2.1	- Công trình đạt giải thưởng Khoa học và Kỹ thuật cấp Thành phố	120 giờ/1 công trình
	- Công trình đạt giải thưởng Khoa học và Kỹ thuật cấp Bộ, cấp Nhà nước.	120 giờ/1 công trình
	- Công trình được cấp bằng phát minh, sáng chế cấp Nhà nước.	165 giờ/1 công trình
	- Sản phẩm nghiên cứu khoa học được thương mại hoá hoặc thực tiễn chấp thuận rộng rãi (có bản quyền).	165 giờ/1 sản phẩm
2.2	Hợp đồng tư vấn	70 giờ/1 hợp đồng

3. Đối với việc tham gia Hội đồng khoa học

STT	Hoạt động	Định mức giờ chuẩn/ 01 đề tài
3.1	Tham gia Hội đồng thẩm định, xét duyệt đề cương đề tài nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên:	
	- Chủ tịch	4
	- Ủy viên; Ủy viên, Thư ký	3
3.2	Tham gia Hội đồng nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên:	
	- Chủ tịch	5
	- Phó Chủ tịch; Ủy viên, Phản biện; Ủy viên, Thư ký	4
	* Đối với khách mời ngoài trường tham gia Hội đồng nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên (tính cho 01 đề tài):	
	- Dự họp và phản biện tại hội đồng nghiệm thu	400.000 đồng
	- Có phiếu phản biện	300.000 đồng
	* Đối với khách mời ngoài trường có học vị Tiến sỹ hoặc có học hàm GS/PGS:	
	- Dự họp và phản biện tại hội đồng nghiệm thu	600.000 đồng
	- Có phiếu phản biện	400.000 đồng

STT	Hoạt động	Định mức giờ chuẩn/ 01 đề tài
3.3	Tham gia Hội đồng xét duyệt đề cương, thẩm định đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên: - Chủ tịch - Ủy viên; Ủy viên, Thư ký	4 3
3.4	Tham gia Hội đồng thẩm định, nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên: - Chủ tịch - Phó chủ tịch; Ủy viên, Phản biện; Ủy viên, Thư ký	5 4

4. Đối với hoạt động hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học

STT	Đề tài	Định mức giờ chuẩn
4.1	Đề tài cấp trường quản lý	20 giờ/1 đề tài
4.2	Đề tài đạt giải thưởng khoa học khối ngành	40 giờ/1 đề tài

5. Đối với đề tài sáng kiến kinh nghiệm

STT	Hoạt động	Định mức giờ chuẩn
5.1	Tham gia hội đồng sơ tuyển, nghiệm thu công trình thi đua/sáng kiến (tính cho 01 công trình thi đua/ sáng kiến): - Hội đồng Sơ tuyển: - Hội đồng nghiệm thu:	2 4

6. Công bố kết quả nghiên cứu trên tạp chí khoa học chuyên ngành, các hội thảo khoa học trong nước và quốc tế (Chỉ tính cho 1 lần đăng cho một bài báo, bài viết):

Hỗ trợ bài báo khoa học quốc tế có chỉ số ISSN đã đăng và có liên quan đến Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức tối đa là 20.000.000 đồng. Nếu tác giả bài báo gồm n người thuộc nhiều đơn vị cơ quan, trường học khác nhau thì trường chỉ hỗ trợ phí/n. Trường chỉ chi cho CBGVNV của Trường.

CBGVNV có Bài viết/ Bài báo khoa học được có tính điểm đăng trên Tạp chí Khoa học chuyên ngành/ Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp ngành, cấp quốc gia liên quan đến Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức: 3.000.000 đ/1 bài.

Nhà trường chỉ tính quy đổi, hỗ trợ phí đăng bài khi tác giả ghi rõ tên đơn vị công tác là Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức.

Cụ thể:

STT	Bài báo, bài viết khoa học	Tiền thưởng/ 1bài
6.1	Bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành quốc tế; Tính 1 lần đăng cho một bài báo, bài viết chia đều cho số tác giả: - Các tạp chí có mã số xuất bản ISSN (International Standard Serials Number): https://portal.isn.org (Tạp chí bắt buộc phải có đầy đủ mã ISSN bản in và bản online); - Các tạp chí khoa học thuộc danh mục ISI: https://mjl.clarivate.com; - Các tạp chí khoa học thuộc danh mục Scopus (https://www.scopus.com/sources; https://www.scimagojr.com); - Các tạp chí thuộc danh mục ABDC (Australian Business Deans Council): https://abdc.edu.au/research/abdc-journal-list ...	20.000.000 đồng
6.2	Bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước có phản biện; tính 1 lần đăng cho một bài báo, bài viết chia đều cho số tác giả (căn cứ theo quyết định số 42/QĐ-HĐGSNN, ngày 06 tháng 07 năm 2022 về phê duyệt danh mục tạp chí khoa học được tính điểm năm 2022).	3.000.000 đồng
6.3	Bài viết đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế; tính 1 lần đăng cho một bài báo, bài viết chia đều cho số tác giả và có Quyết định của nhà trường cử đi.	5.000.000 đồng
6.4	Báo cáo khoa học tại hội thảo khoa học chuyên ngành; bài viết đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học cấp ngành, cấp quốc gia; tính 1 lần đăng cho một bài báo, bài viết chia đều cho số tác giả và có Quyết định của nhà trường cử đi.	2.000.000 đồng

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ BIÊN SOẠN GIÁO TRÌNH, TÀI LIỆU GIẢNG DẠY

Điều 9. Định mức quy đổi giờ chuẩn đối với các hoạt động biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy

STT	Hoạt động	Định mức giờ chuẩn
1	Biên soạn một giáo trình đào tạo/ tài liệu giảng dạy nội bộ theo chương trình của nhà trường.	30 giờ / tín chỉ
2	Biên soạn theo chương trình của nhà trường: Sách tham khảo; Sách chuyên khảo	60 giờ/ đầu sách
3	Dịch tài liệu chuyên môn (có đăng ký và thẩm định) (Thông tư 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 08 năm 2018)	90.000 đồng/ trang 350 từ
4	Cập nhật nội dung giáo trình đào tạo / tài liệu giảng dạy nội bộ	Cập nhật 1 trang = (30 giờ x số TC)/ số trang
5	Tham gia trong hội đồng xét duyệt đề cương/thẩm định nghiệm thu cập nhật nội dung giáo trình đào tạo/ tài liệu giảng dạy (tính cho 01 giáo trình đào tạo/ tài liệu giảng dạy): - Đối với giáo trình đào tạo/ tài liệu giảng dạy của học phần: 1 đến 2 tín chỉ 3 tín chỉ 4 tín chỉ 5 tín chỉ - Sách tham khảo; Sách chuyên khảo	02 giờ 03 giờ 04 giờ 05 giờ 04 giờ/ đầu sách
6	Tham gia trong hội đồng xét duyệt đề cương biên soạn giáo trình đào tạo/ tài liệu giảng dạy (tính cho 01 giáo trình đào tạo/ tài liệu giảng dạy): - Đối với giáo trình đào tạo/ tài liệu giảng dạy của học phần: 1 đến 2 tín chỉ 3 tín chỉ 4 tín chỉ 5 tín chỉ - Sách tham khảo; Sách chuyên khảo	03 giờ 04 giờ 05 giờ 06 giờ 05 giờ/ đầu sách

STT	Hoạt động	Định mức giờ chuẩn
7	Tham gia trong hội đồng thẩm định, nghiệm thu giáo trình đào tạo/ tài liệu giảng dạy cấp khoa (tính cho 01 giáo trình đào tạo/ tài liệu giảng dạy): - Đối với giáo trình đào tạo/ tài liệu giảng dạy của học phần: 1 đến 2 tín chỉ 3 tín chỉ 4 tín chỉ 5 tín chỉ - Sách tham khảo; Sách chuyên khảo	03 giờ 04 giờ 05 giờ 06 giờ 05 giờ/ đầu sách
8	Tham gia trong hội đồng thẩm định, nghiệm thu giáo trình đào tạo / tài liệu giảng dạy cấp trường (tính cho 01 giáo trình đào tạo / tài liệu giảng dạy): - Đối với giáo trình đào tạo / tài liệu giảng dạy của học phần: 1 đến 2 tín chỉ 3 tín chỉ 4 tín chỉ 5 tín chỉ - Sách tham khảo; Sách chuyên khảo	05 giờ 06 giờ 07 giờ 08 giờ 07 giờ/ đầu sách
9	- o Khách mời ngoài trường có bằng Đại học, Thạc sĩ tham gia trong hội đồng nghiệm thu cập nhật/ biên soạn giáo trình đào tạo / tài liệu giảng dạy/ sách tham khảo/ sách chuyên khảo (tính cho 01 giáo trình đào tạo / tài liệu giảng dạy/ sách tham khảo/ sách chuyên khảo): + Giáo trình đào tạo, tài liệu giảng dạy của học phần từ 1 đến 3 tín chỉ; Sách tham khảo, sách chuyên khảo: - Dự họp và phản biện tại hội đồng nghiệm thu - Có phiếu phản biện + Giáo trình đào tạo, tài liệu giảng dạy của học phần từ 4 tín chỉ trở lên: - Dự họp và phản biện tại hội đồng nghiệm thu - Có phiếu phản biện	400.000 đồng 200.000 đồng 400.000 đồng 300.000 đồng

STT	Hoạt động	Định mức giờ chuẩn
10	○ Khách mời ngoài trường có học vị Tiến sỹ hoặc có học hàm Giáo sư/ Phó Giáo sư tham gia trong hội đồng nghiệm thu cập nhật/ biên soạn giáo trình đào tạo/ tài liệu giảng dạy/ sách tham khảo/ sách chuyên khảo (tính cho 01 giáo trình đào tạo / tài liệu giảng dạy/ sách tham khảo/ sách chuyên khảo): + Giáo trình đào tạo, tài liệu giảng dạy của học phần từ 1 đến 3 tín chỉ; Sách tham khảo, sách chuyên khảo: - Dự họp và phản biện tại hội đồng nghiệm thu 600.000 đồng - Có phiếu phản biện 300.000 đồng + Giáo trình đào tạo, tài liệu giảng dạy của học phần từ 4 tín chỉ trở lên: - Dự họp và phản biện tại hội đồng nghiệm thu 600.000 đồng - Có phiếu phản biện 400.000 đồng	
11	Tham gia trong hội đồng lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo (tính cho 01 lần họp hội đồng): - Chủ tịch 05 giờ - Phó Chủ tịch; Ủy viên; Ủy viên, Thư ký 04 giờ	

Điều 10. Quy định thù lao biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy

1. Các giáo trình đào tạo/ tài liệu giảng dạy, tham khảo đã được nghiệm thu sẽ được tính thù lao như sau:

$$\text{Thù lao biên soạn} = \text{Định mức giờ chuẩn} \times 70.000 \text{ đồng}$$

2. Trường hợp các giáo trình đào tạo/ tài liệu trên được thực hiện bởi nhiều đồng tác giả thì nhóm tác giả tự phân chia số giờ chuẩn theo mức đóng góp của các thành viên và thông báo cho Phòng Quản lý đào tạo.

3. Các giáo trình đào tạo/ tài liệu giảng dạy, tham khảo, chuyên khảo đã được quy đổi và thanh toán thù lao, Nhà trường được quyền triển khai sử dụng trong giảng dạy.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Thực hiện quy định

1. Giảng viên hoàn thành số giờ giảng dạy của năm học đồng thời có giờ nghiên cứu khoa học vượt định mức, theo đề nghị của Giảng viên đó, số giờ nghiên cứu khoa học vượt định mức sẽ được chuyển thành giờ nghiên cứu khoa học của năm tiếp theo hoặc quy đổi thành giờ phụ trội của năm học.

2. Giảng viên có số giờ giảng vượt định mức nhưng không hoàn thành định mức nghiên cứu khoa học, số giờ giảng vượt định mức được quy đổi và tính bù vào số giờ nghiên cứu khoa học.

3. Giảng viên chưa hoàn thành số giờ giảng dạy của năm học nhưng có giờ nghiên cứu khoa học vượt định mức, số giờ nghiên cứu khoa học vượt định mức được quy đổi thành số giờ giảng và tính bù vào số giờ giảng còn thiếu.

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký và được áp dụng thống nhất toàn Trường. Trường các đơn vị thuộc Trường tổ chức quán triệt đến tất cả cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị mình.

2. Quy định này được bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tiễn và quy định pháp luật có liên quan.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc